

# IBBS VÒNG II

Giám sát Kết hợp  
Hành vi và Các chỉ số  
Sinh học HIV/STI

Tóm lược kết quả tại  
**ĐÀ NẴNG**

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) tại Việt Nam được thiết kế nhằm ước tính và theo dõi sự thay đổi về chiều hướng hiện nhiễm HIV, các nhiễm trùng lây truyền qua đường tình dục (STI), các hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận các chương trình can thiệp trong các nhóm quần thể nguy cơ cao nhiễm HIV. Đây là một trong những tài liệu nằm trong bộ báo cáo tóm tắt của IBBS. Giám sát được thực hiện qua hai vòng, vòng I vào năm 2006 và vòng II vào năm 2009.



## Đà Nẵng có tỷ lệ hiện nhiễm HIV thấp trong năm 2009

Tỷ lệ hiện nhiễm HIV tại Đà Nẵng ở 1% trong nhóm tiêm chích ma túy (TCMT) và dưới mức 1% ở nhóm phụ nữ mại dâm (PNMD), đưa Đà Nẵng trở thành thành phố có tỷ lệ hiện nhiễm HIV trong các nhóm quần thể nguy cơ cao thấp nhất trong số các tỉnh thành nghiên cứu trong IBBS 2009 (Biểu đồ 1). Thêm vào đó, tỷ lệ hiện nhiễm HIV năm 2009 giảm so với năm 2006 trong tất cả các nhóm quần thể nguy cơ cao.

Mặc dù tỷ lệ hiện nhiễm HIV duy trì ở mức thấp, hành vi tiêm chích ma túy và sử dụng chung bơm kim tiêm (BKT) vẫn còn phổ biến, đây có thể sẽ là yếu tố nguy cơ thúc đẩy khả năng lây nhiễm HIV tại Đà Nẵng trong tương lai.

## Sử dụng ma túy, sử dụng chung bơm kim tiêm và không sử dụng bao cao su thường xuyên là các hành vi nguy cơ phổ biến

HIV lây lan nhanh khi việc sử dụng chung bơm kim tiêm (BKT) và quan hệ tình dục không an toàn trở nên phổ biến. Trong cả hai năm 2006 và 2009, dưới 40% người TCMT dùng chung BKT và chỉ có 2-3% người TCMT nhận được BKT sạch từ chương trình trao đổi BKT (Biểu đồ 2). Tỷ lệ sử dụng chung BKT tại Đà Nẵng và Lào Cai là cao nhất trong số các tỉnh thành nghiên cứu. Có tới 10% người TCMT tại Đà Nẵng là người mới tiêm chích, điều đó cho thấy tỷ lệ lây nhiễm HIV có thể tăng trong tương lai gần.

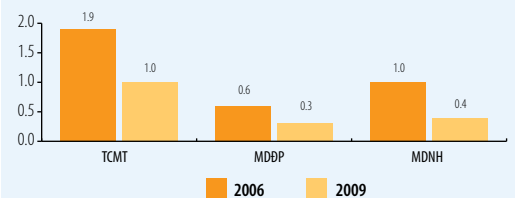
Hơn nữa, tại Đà Nẵng, chỉ 14,7% người TCMT thường xuyên sử dụng bao cao su (BCS) với bạn tình thường xuyên trong khi 50% không sử dụng BCS thường xuyên với PNMD. Đây là tỷ lệ sử dụng BCS thấp nhất trong các tỉnh thành nghiên cứu (Biểu đồ 2).

## Tỷ lệ sử dụng bao cao su thường xuyên trong nhóm phụ nữ mại dâm duy trì ở mức thấp

Khoảng 30% PNMD không thường xuyên sử dụng bao cao su với khách hàng và chỉ 1/3 số PNMD thường xuyên dùng bao cao su với bạn tình thường xuyên (Biểu đồ 3). Mặc dù hành vi tiêm chích ma túy được báo cáo ở mức thấp (dưới 2%) nhưng bằng chứng từ các tỉnh thành khác cho thấy nếu hành vi sử dụng BCS thường xuyên trong nhóm PNMD không được cải thiện, tỷ lệ nhiễm HIV tại Đà Nẵng có thể sẽ tăng lên.

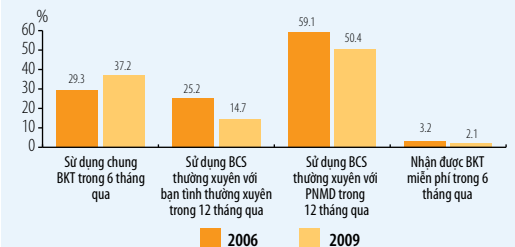
Biểu đồ 1:

Tỷ lệ nhiễm HIV trong các nhóm quần thể nghiên cứu tại Đà Nẵng, IBBS 2006-2009



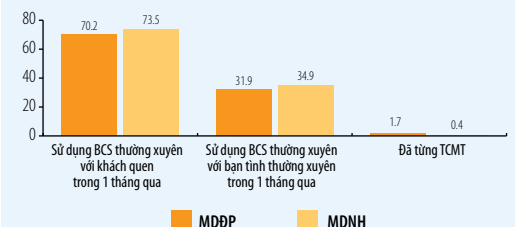
Biểu đồ 2:

Hành vi nguy cơ và mức độ tiếp cận với chương trình can thiệp trong nhóm TCMT tại Đà Nẵng, IBBS 2006-2009



Biểu đồ 3:

Hành vi nguy cơ trong nhóm PNMD tại Đà Nẵng, IBBS 2009



IBBS là sáng kiến được thực hiện bởi các cơ quan dưới đây:

Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung Ương (NIHE) | Cục Phòng chống HIV/AIDS (VAAC) | FHI 360 | Văn phòng Liên hợp quốc Phòng chống Ma túy và Tội phạm (UNODC) | Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) | Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC).

Ấn phẩm IBBS được xuất bản với sự hỗ trợ từ nhân dân Mỹ thông qua Cơ quan Hợp tác và Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) và Trung tâm Dự phòng và Kiểm soát Bệnh tật Hoa Kỳ (CDC), các tác giả chịu trách nhiệm hoàn toàn về nội dung và nội dung này không nhất thiết phản ánh quan điểm của USAID, CDC hay Chính phủ Hoa Kỳ.



## Tóm lược kết quả tại ĐÀ NẴNG

Chương trình giám sát kết hợp hành vi và các chỉ số sinh học HIV/STI (IBBS) được thực hiện tại Đà Nẵng vào năm 2006 và 2009. Người tham gia nghiên cứu được lựa chọn thông qua phương pháp chọn mẫu dày chuyển có kiểm soát đối với nhóm tiêm chích ma túy, và phương pháp chọn mẫu cụm thời gian đối với nhóm phụ nữ mại dâm.

Các chỉ số chính	2006 (%)		2009 (%)	
Nhóm tiêm chích ma túy	(n= 274 )		(n= 291)	
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	1.9% (n= 260)		1.0%	
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang Mai	5.4% (n= 260)		0.3%	
Tỷ lệ sử dụng chung bơm kim tiêm trong 6 tháng qua	29.3%		37.2% (n= 290)	
Tỷ lệ tiếp cận bơm kim tiêm sạch miễn phí trong 6 tháng qua	3.2%		2.1%	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với PNMD trong 12 tháng qua	59.1% (n= 102)		50.4% (n= 133)	
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 12 tháng qua	25.2% (n= 153)		14.7% (n= 218)	
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	10.4% (n= 202)		7.0% (n= 256)	
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	4.3%		11.3%	
Nhóm phụ nữ mại dâm	MDNH (n= 313)	MDĐP (n= 175)	MDNH (n=251)	MDĐP (n= 300)
Tỷ lệ hiện nhiễm HIV	1.0%	0.6%	0.4%	0.3%
Tỷ lệ hiện nhiễm Giang mai	0.6%	3.4%	0.4%	1.3%
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách hàng bất chợt trong 1 tháng qua	90.6% (n= 224)	81.7% (n= 131)	85.7% (n= 216)	78.5% (n= 274)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với khách quen trong 1 tháng qua	79.3% (n= 242)	74.0% (n= 123)	73.5% (n= 166)	70.2% (n= 228)
Tỷ lệ sử dụng BCS thường xuyên với bạn tình thường xuyên trong 1 tháng qua	19.4% (n= 144)	26.0% (n= 73)	34.9% (n= 109)	31.9% (n= 116)
Tỷ lệ tự báo cáo có tiêm chích ma túy	0.6%	0.6% (n= 173)	0.4%	1.7%
Tỷ lệ tiếp cận BCS miễn phí/giá rẻ trong 6 tháng qua	58.5%	60.7% (n= 173)	52.6%	56.7% (n= 298)
Tỷ lệ xét nghiệm HIV tại Trung tâm Tư vấn và Xét nghiệm Tự nguyện (VCT) và nhận kết quả trong 12 tháng qua	19.5%	15.4%	40.6%	62.0%

### IBBS Vòng II: Giám sát Kết hợp Hành vi và Các chỉ số Sinh học HIV/STI